

Số: /BC-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Lai Châu năm 2021

Thực hiện Luật Kế toán 2015¹, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Báo cáo tài chính nhà nước năm tài chính 2021. Báo cáo tài chính nhà nước (sau đây gọi tắt là BCTCNN) gồm 04 phụ lục báo cáo kèm theo (Phụ lục I, II, III, IV).

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá tình hình tài chính nhà nước tỉnh Lai Châu năm 2021 như sau:

1. Về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn của Nhà nước

Tổng tài sản của Nhà nước trên địa bàn tỉnh tại thời điểm 31/12/2021 là 33.398 tỷ đồng, so với thời điểm 31/12/2020 giảm 1.034,3 tỷ đồng; trong đó tài sản của Nhà nước được hình thành từ nguồn vốn của Nhà nước là 32.906,5 tỷ đồng và tài sản nhà nước được hình thành từ nợ nhà nước phải trả là 491,5 tỷ đồng, chi tiết như sau:

1.1. Về tài sản

Tài sản của Nhà nước bao gồm:

- Tiền tại quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính và các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 3.683,5 tỷ đồng; tăng 1.144,9 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn là 1,5 tỷ đồng, tăng 0,5 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Các khoản phải thu của Nhà nước (gồm phải thu thuế nội địa, xuất nhập khẩu, phải thu của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc khu vực Nhà nước) 645,4 tỷ đồng; giảm 37,9 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Hàng tồn kho gồm: Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 74,3 tỷ đồng; tăng 13,3 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

¹ Tiết a, Khoản 3, Điều 30 Luật Kế toán 2015 quy định “Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp”.

- Tài chính ngắn hạn khác 0,08 tỷ đồng, giảm 0,1 tỷ đồng so thời điểm 31/12/2020.

- Đầu tư tài chính của Nhà nước là 1.017,6 tỷ đồng², giảm 135 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Xây dựng cơ bản dở dang tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 10.223,2 tỷ đồng, giảm 1.812,6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Tài sản cố định (giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao, hao mòn) là: 17.339,8 tỷ đồng, tăng 326,1 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020, gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng³ là 12,593,1 tỷ đồng; tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước là 4.746,7 tỷ đồng.

- Tài sản vô hình (giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao, hao mòn) là: 397,3 tỷ đồng, tăng 103,6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Các tài sản khác 15,3 tỷ đồng .

1.2. Về công nợ của Nhà nước

Tổng công nợ của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2020 là 491,5 tỷ đồng (chiếm 1,5% tổng tài sản của Nhà nước), giảm 26,3 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Các khoản nợ phải trả nhà cung cấp và các khoản nhận trước khách hàng của đơn vị dự toán cấp 1 trên địa bàn tỉnh: 462,8 tỷ đồng

- Vay nợ của chính quyền địa phương: 21,9 tỷ đồng.

- Các khoản nợ phải trả khác: 6,8 tỷ đồng các khoản nợ phải trả nhà cung cấp của Ban Quản lý dự án và một số đơn vị dự toán cấp 1.

1.3. Về nguồn vốn của Nhà nước

Tổng nguồn vốn của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2021 là 32.906,5 tỷ đồng, giảm 1.060,6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020.

- Nguồn vốn hình thành tài sản (giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước,

² Trong đó: Trong đó công ty TNHH MTV xố số kiến thiết Lai Châu là: 25,7 tỷ đồng, công ty TNHH MTV quản lý thủy nông Lai Châu: 750,9 tỷ đồng; công ty TNHH thủy điện huyện Mường Tè - Lai Châu: 25,5 tỷ đồng; Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu: 211,2 tỷ đồng; Công ty Cổ phần môi trường đô thị Lai Châu; 3,7 tỷ đồng; Công ty Cổ phần thương mại huyện Mường Tè: 0,6 tỷ đồng.

³ Trong đó tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tỉnh quản lý: 10.259,6 tỷ đồng; Hạ tầng giao thông huyện quản lý :1.006,1 tỷ đồng; Hạ tầng nước sạch nông thôn: 608,8 tỷ đồng; còn lại 718,6 tỷ đồng là các tài sản hạ tầng khác do cấp huyện quản lý.

nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của các Ban QLDA và nguồn vốn kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập...) 13.244,1 tỷ đồng, chiếm 40% tổng nguồn vốn của Nhà nước;

- Thặng dư lũy kế (kết quả hoạt động thu chi tài chính, ngân sách được hình thành, tích lũy qua các năm và chưa được phân bổ cho các chỉ tiêu nguồn vốn khác) là 19.446,4 tỷ đồng, chiếm 59% tổng nguồn vốn của Nhà nước;

- Nguồn vốn khác là 216 tỷ đồng, chiếm 1% tổng nguồn vốn của Nhà nước.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Nhà nước

2.1. Tổng thu nhập của Nhà nước

Tổng doanh thu của Nhà nước năm 2021 là 8.736 tỷ đồng, giảm 878,3 tỷ đồng (9,1%) so với năm 2020 chủ yếu do thu thuế, phí, doanh thu khác giảm.

- Doanh Thu của ngân sách nhà nước (NSNN) là 8.141,2 tỷ đồng, giảm 1.029,6 tỷ đồng (11,2%) so với năm 2020; trong đó:

+ Doanh thu thuế là 1.532,8 tỷ đồng, chiếm 18,83 % doanh thu thuộc NSNN.

+ Doanh thu phí, lệ phí là 82,2 tỷ đồng chiếm 1 % doanh thu thuộc NSNN.

+ Doanh thu từ vốn góp và đầu tư của Nhà nước là 1,1 tỷ đồng chiếm 0,014% doanh thu thuộc NSNN.

+ Doanh thu viện trợ không hoàn lại 1,3 tỷ đồng chiếm 0,016% doanh thu thuộc NSNN.

+ Thu khác thuộc NSNN là 6.523,8 tỷ đồng, chiếm 80,14% doanh thu thuộc NSNN.

- Doanh thu không thuộc NSNN là 594,8 tỷ đồng, tăng 151,2 tỷ đồng (tăng 34%) so với năm 2020 gồm:

+ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ phát sinh trong năm của đơn vị sự nghiệp công lập là 329 tỷ đồng chiếm 55% tổng thu nhập không thuộc NSNN.

+ Doanh thu từ hoạt động khác là 265,8 tỷ đồng chiếm 45%, tổng thu nhập không thuộc NSNN.

2.2. Về tổng chi của Nhà nước

Tổng chi của Nhà nước là 6.946,9 tỷ đồng, tăng 107,8 tỷ đồng (tăng 2 %) so với năm 31/12/2020.

- Chi từ nguồn NSNN là 6.546,7 tỷ đồng, tăng 175 tỷ đồng (tăng 3%) so với năm 2020; trong đó:

+ Chi tiền lương, tiền công và chi khác cho con người là 2.849,5 tỷ đồng, chiếm 44 % chi từ nguồn NSNN.

+ Chi vật tư, công cụ, dịch vụ: 743,4 tỷ đồng, chiếm 11% chi từ nguồn NSNN.

+ Chi phí hao mòn: 1.194,2 tỷ đồng, chiếm 18% chi từ nguồn NSNN.

+ Chi phí tài chính: 0,3 tỷ đồng, chiếm 0,005 % chi từ nguồn NSNN.

+ Chi phí khác: 1.759,3 tỷ đồng, chiếm 27 % chi từ nguồn NSNN.

- Chi từ nguồn ngoài NSNN là 400,2 tỷ đồng, giảm 67,1 tỷ đồng (giảm 14 %) so với năm 2020.

+ Chi tiền lương, tiền công và chi khác cho con người là 126,1 tỷ đồng, chiếm 31,5 % chi từ nguồn ngoài NSNN.

+ Chi vật tư, công cụ, dịch vụ: 182,9 tỷ đồng, chiếm 45,7% chi từ nguồn ngoài NSNN.

+ Chi phí hao mòn 22,9 tỷ đồng, chiếm 5,73% chi từ nguồn ngoài NSNN.

+ Chi phí tài chính 0,1 tỷ đồng, chiếm 0,03 % chi từ nguồn ngoài NSNN.

+ Chi phí khác 68,2 tỷ đồng, chiếm 17,04 % chi từ nguồn ngoài NSNN.

2.3. Về thặng dư tài chính

Thặng dư tài chính năm 2021 là 1.789,1 tỷ đồng; giảm 986,2 tỷ đồng (giảm 36%) so với năm 2020.

3. Về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh tình hình tiền thu vào, tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo của Nhà nước. Trong năm 2021, lưu chuyển tiền thuần là 1.144,8 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03)

4. Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước

(Chi tiết theo Phụ lục số 04)

Trên đây là Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Lai Châu năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lưu: VT, Th6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Giàng A Tính